

Bản án số: 316 /2024/DS-ST

Ngày: 06- 9- 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp vốn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **PHẠM TRUNG THÀNH**

2. Ông **ĐỖ DUY HÙNG**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN VÕ LIÊN ANH**- Kiểm sát viên .

Trong các ngày 07 tháng 9 năm 2023 và ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp vốn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị T**, sinh năm: 1959.

Nơi thường trú: số 62/3 ấp L, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: ấp D, xã P, huyện L, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Thanh N**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: ấp M, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày: Do chỗ làm ăn quen biết nên khoảng ngày 01/3/2023 bà và anh N thỏa thuận miệng hợp tác với nhau trồng sầu riêng. Theo thỏa thuận bà góp tài sản là tiền, anh N góp tài sản là đất, bà đã đưa anh N 150.000.000đồng để anh N đầu tư trồng sầu riêng. Do thời gian thấy lâu không liên lạc nên ngày 18/03/2023 bà lên hỏi anh N tiền độ trồng sầu

riêng, ngày 20/03/2023 anh N làm hợp đồng có xác nhận của chính quyền địa phương để tạo lòng tin với bà với nội dung sẽ mượn đất của ông Trần Văn H1 để trồng sầu riêng và ghi nhận anh N có nhận của bà 150.000.000đồng. Sau đó do nghi ngờ anh N gian dối trong hợp tác nên bà đến địa phương nơi làm hợp đồng để xác nhận, trên thực tế anh N không có mượn đất của ông nào tên Trần Văn H1. Bà đã nhiều lần yêu cầu anh N trả tiền nhưng anh cố tình không trả. Bà yêu cầu anh N trả bà 150.000.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên toà, bà T yêu cầu anh N trả bà 150.000.000 đồng, trả làm 01 lần.

- **Bị đơn anh Lê Thanh N tại tờ tự khai trình bày:** Anh và bà T có hùn vốn trồng sầu riêng, bà T có đưa cho anh 150.000.000đồng và anh đã làm đúng như hợp đồng, bà T không có điện thoại cho anh mà anh điện thoại thì bà T chặn máy. Anh có mượn đất của ông Hùng trồng sầu riêng đang hoang. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/8/2023 anh N đồng ý trả bà T 150.000.000đồng nhưng khi nào có tiền mới trả.

Tại phiên toà, anh N đồng ý trả cho bà T 150.000.000đồng nhưng trả trong vòng 5 năm.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng qui định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 117, 504,512 Bộ luật dân sự chấp nhận cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền góp vốn 150.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã góp vốn với bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng góp vốn theo qui định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Việc tạm ngừng phiên toà: Ngày 07/9/2023 Toà án mở phiên toà xét xử, tại phiên toà bà Đặng Thị T và Đại diện Viện kiểm sát yêu cầu chuyển hồ sơ sang

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C do anh Lê Thanh N có hành vi lừa dối chiếm đoạt tiền của bà. Do đó Hội đồng xét xử chuyên hồ sơ cho Cơ quan điều tra và tạm ngừng phiên toà theo qui định tại khoản 1 điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Qua thời gian giải quyết tin báo không có cơ sở xác định anh N có hành vi phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành mở lại phiên toà theo qui định tại khoản 2 điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét thấy, bị đơn anh Lê Thanh N thừa nhận bà Đặng Thị T có đưa cho anh 150.000.000đồng để hùn vốn trồng sầu riêng. Lời thừa nhận của anh N là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên trong quá trình góp vốn anh N không công khai cho bà T việc trồng cây như thế nào, có gian dối trong việc mướn đất nên bà T yêu cầu lấy lại số tiền góp vốn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà anh N cũng đồng ý trả lại bà T 150.000.000đồng nhưng anh xin trả trong thời gian 05 năm. Phía bà T không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Các bên có quyền thoả thuận tại giai đoạn thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử buộc anh N trả bà T 150.000.000đồng là có cơ sở.

[3]. Án phí: Anh N phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468, 504, 510, 512 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị T.

Buộc anh Lê Thanh N trả cho bà Đặng Thị T 150.000.000 đồng.

2. Về án phí: Anh Lê Thanh N phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh N chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Bà Đặng Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh Lê Thanh N thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án tuyên công khai lúc 8 giờ 45 ngày 06/9/2024. Có mặt bà Đặng Thị T, anh Lê Thanh N xin vắng mặt phiên toà ngày 06/9/2024.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

